

CỤC THUẾ
THUẾ TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /HYE-QLDN2
V/v trả lời chính sách thuế đối với
chuyển giao công nghệ, chuyển
nhượng quyền sở hữu trí tuệ

Hưng Yên, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH Daechang Việt Nam (MST: 0901167808)
(Địa chỉ: Lô đất CN4, KCN Yên Mỹ, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên)

Thuế tỉnh Hưng Yên nhận được công văn số 02/2025/CV-DCVN ngày 12/12/2025 của Công ty TNHH Daechang Việt Nam “V/v: Xác định chính sách thuế GTGT và thuế nhà thầu đối với chuyển giao công nghệ”, Thuế tỉnh Hưng Yên có ý kiến như sau:

- Căn cứ khoản 13 Điều 4 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT):

“13. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật liên quan. Trường hợp chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì cơ sở kinh doanh phải tách riêng giá trị công nghệ chuyển giao, giá trị quyền sở hữu trí tuệ chuyển nhượng để xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; trường hợp không tách riêng được thì toàn bộ giá trị hợp đồng thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.”

- Căn cứ Điều 3 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính quy định về hồ sơ, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế GTGT quy định tại Điều 5 Luật Thuế GTGT.

- Căn cứ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025:

+ Tại khoản Điều 2 quy định về người nộp thuế:

“Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:

...

b) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam;

...

2. Doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế quy định tại Điều 3 của Luật này phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

...

d) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, bao gồm cả các doanh nghiệp kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam.

...”

+ Tại khoản 3 Điều 3 quy định về thu nhập chịu thuế:

“3. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm c, điểm d khoản 2 Điều 2 của Luật này là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam, không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh.”

+ Tại Chương III quy định về ưu đãi thuế TNDN.

- Căn cứ Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

+ Tại điểm b khoản 1 Điều 2 quy định về người nộp thuế:

“Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp) bao gồm:

...

b) Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài (sau đây gọi là doanh nghiệp nước ngoài) có cơ sở thường trú hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, trong đó:

...

b3) Doanh nghiệp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, nộp thuế đối với thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam;

...”

+ Tại khoản 4 Điều 3 quy định về thu nhập chịu thuế:

“4. Thu nhập chịu thuế phát sinh tại Việt Nam của các doanh nghiệp nước ngoài quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 2 Luật Thuế thu nhập doanh

nghiệp là thu nhập nhận được có nguồn gốc từ Việt Nam từ hoạt động cung ứng dịch vụ, cung cấp và phân phối hàng hóa (kể cả hoạt động cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo các hình thức kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số), cho vay vốn, tiền bản quyền cho tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài đang kinh doanh tại Việt Nam không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành kinh doanh; thu nhập từ chuyển nhượng vốn (trực tiếp hoặc gián tiếp), dự án đầu tư, quyền góp vốn, quyền tham gia các dự án đầu tư, quyền thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản tại Việt Nam không phụ thuộc vào địa điểm thực hiện việc chuyển nhượng.

Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều này.”

+ Tại điểm a khoản 3 Điều 12 quy định về phương pháp tính thuế:

“3. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với doanh nghiệp nước ngoài quy định tại các điểm b2, b3 và b4 khoản 1 Điều 2 của Nghị định này được tính theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam, cụ thể như sau:

...

c) Tiền bản quyền: 10%;

...

Doanh thu tính thuế được xác định theo quy định tại Điều 8 của Nghị định này. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này, bao gồm cả việc xác định doanh thu tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số trường hợp cụ thể.”

+ Tại Chương V quy định về ưu đãi thuế TNDN.

- Căn cứ khoản 3 Điều 7 Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam:

“Điều 7. Thu nhập chịu thuế TNDN:

...

3. Thu nhập phát sinh tại Việt Nam của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài là các khoản thu nhập nhận được dưới bất kỳ hình thức nào trên cơ sở hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ (trừ trường hợp quy định tại Điều 2 Chương I), không phụ thuộc vào địa điểm tiến hành hoạt động kinh doanh của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài. Thu nhập chịu thuế của Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài trong một số trường hợp cụ thể như sau:

...

- Thu nhập từ tiền bản quyền là khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm (bao gồm: các khoản tiền trả cho quyền sử dụng, chuyển giao quyền tác giả và quyền chủ sở hữu tác phẩm; chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp; chuyển giao công nghệ, bản quyền phần mềm).

“Quyền tác giả, quyền chủ sở hữu tác phẩm”, “Quyền sở hữu công nghiệp”, “Chuyển giao công nghệ” quy định tại Bộ Luật Dân sự, Luật Sở hữu trí tuệ, Luật Chuyển giao công nghệ và các văn bản hướng dẫn thi hành.

... ”

- Căn cứ Hiệp Định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

- Căn cứ Điều 62 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần.

Căn cứ các quy định trên và theo trình bày của Công ty thì:

- Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì phải tách riêng giá trị công nghệ chuyển giao, giá trị quyền sở hữu trí tuệ chuyển nhượng để xác định đối tượng không chịu thuế GTGT; trường hợp không tách riêng được thì toàn bộ giá trị hợp đồng thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

- Về hồ sơ miễn thuế, thủ tục xác định đối tượng không chịu thuế GTGT: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 69/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ Tài chính nêu trên.

- Về thuế TNDN: Trường hợp Daechang Corporation phát sinh thu nhập tại Việt Nam từ khoản thu nhập dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho quyền sử dụng, chuyển quyền sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ là tiền bản quyền thì Daechang Corporation xác định số thuế TNDN phải nộp tính theo tỷ lệ là 10% trên doanh thu tính thuế phát sinh tại Việt Nam. Thủ tục hồ sơ miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần được thực hiện theo quy định tại Điều 62 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính nêu trên.

Khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN số 67/2025/QH15 ngày 14/6/2025 và Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ đề nghị Công ty thực hiện theo đúng quy định tại Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Ưu đãi về thuế TNDN: Công ty căn cứ tình hình thực tế tại đơn vị và quy định tại Chương III Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15 ngày

14/6/2025, Chương V Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ nêu trên để xác định ưu đãi về thuế TNDN theo đúng quy định.

Thuế tỉnh Hưng Yên trả lời đề Công ty TNHH Daechang Việt Nam biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Thuế tỉnh Hưng Yên ;
- Phòng: KTr2, NVDTPC;
- Website Thuế tỉnh;
- Lưu: VT, QLDN2^{Tú}.

**KT. TRƯỞNG THUẾ TỈNH
PHÓ TRƯỞNG THUẾ TỈNH**

Lê Đức Thuận